

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
Tháng 8 năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	HSL	Hệ số phụ cấp lương									Cộng hệ số	Tiền lương tháng (lương tối thiểu 2.340.000đ)	BHXH		BHYT		Số tiền trừ vào lương	Số tiền thực nhận	Ghi chú
				Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp công tác lâu năm	Phụ cấp công vụ (25%)	Phụ cấp thu hút ND76/C P (70%)	Phụ cấp công tác đặc (30%)	Phụ cấp ưu đãi ngành	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp trách nhiệm			BHXH 17,5%	BHXH 8%	BHYT 3%	BHYT 1,5%			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=13-18	C
01	A Vai	Chủ tịch	3,66	0,3	0,5		0,9900						5,4500	12.753.000	1.621.620	741.312	277.992	138.996	880.308	11.872.692	
02	Trần Quốc Vy	PCT kiêm CT HND	4,32	0,2	0,5		1,1300		1,356				7,5060	17.564.040	1.850.940	846.144	317.304	158.652	1.004.796	16.559.244	
03	Nguyễn Thị Lan	PCT kiêm CT Hội LHPN	3,33	0,15	0,5		0,8700		1,044				5,8940	13.791.960	1.425.060	651.456	244.296	122.148	773.604	13.018.356	
04	Trần Công Quang	PCT kiêm Bí thư Đoàn	2,34		0,5		0,5850						3,4250	8.014.500	958.230	438.048	164.268	82.134	520.182	7.494.318	
05	Đào Văn Dương	PCT kiêm CT Hội CCB	3	0,15	0,7	0,5	0,7875						5,1375	12.021.750	1.289.925	589.680	221.130	110.565	700.245	11.321.505	
06	Lê Văn Đức	Chuyên viên	3,33	0,2	0,5		0,8825						4,9125	11.495.250	1.445.535	660.816	247.806	123.903	784.719	10.710.531	
07	Đinh Minh Tấn	Chuyên viên	4,32	0,15	0,5		1,1175		1,341				7,4285	17.382.690	1.830.465	836.784	313.794	156.897	993.681	16.389.009	
08	Nga Thị Hinh	Chuyên viên	3	0,15	0,7	0,5	0,7875						5,1375	12.021.750	1.289.925	589.680	221.130	110.565	700.245	11.321.505	
09	Nguyễn Văn Long	Chuyên viên	3,33	0,15	0,5		0,8700						4,8500	11.349.000	1.425.060	651.456	244.296	122.148	773.604	10.575.396	
10	H' Un Siu	Chuyên viên	3,66		0,5		0,9150						5,0750	11.875.500	1.498.770	685.152	256.932	128.466	813.618	11.061.882	
11	A Minh	Chuyên viên	3,99	0,2	0,7	0,7	1,0475						6,6375	15.531.750	1.715.805	784.368	294.138	147.069	931.437	14.600.313	
12	A Thủy	Chuyên viên	2,67	0,15	0,7	0,7	0,7050						4,9250	11.524.500	1.154.790	527.904	197.964	98.982	626.886	10.897.614	
13	A Đạt	Chuyên viên	3	0,15	0,7	0,5	0,7875						5,1375	12.021.750	1.289.925	589.680	221.130	110.565	700.245	11.321.505	
14	Đặng Thị Thủy	Chuyên viên	3	0,15	0,7	0,5	0,7875						5,1375	12.021.750	1.289.925	589.680	221.130	110.565	700.245	11.321.505	
15	Y Xanh	Chuyên viên	3,33	0,15	0,7	0,5	0,8700						5,5500	12.987.000	1.425.060	651.456	244.296	122.148	773.604	12.213.396	
16	A Trường	Chuyên viên	2,67	0,15	0,7	0,7	0,7050						4,9250	11.524.500	1.154.790	527.904	197.964	98.982	626.886	10.897.614	
	Tổng cộng		52,95	2,40	9,60	4,60	13,8375	0,0000	3,7410	0,0000	0,0000	0,0000	87,1285	203.880.690	22.665.825	10.361.520	3.885.570	1.942.785	12.304.305	191.576.385	

Người lập

Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán

Nguyễn Thị Thu Phương



A Vai